

THE RESPECT FOR COMMUNITY CHARACTERISTICS OF VIETNAMESE PEOPLE AND SOME IMPACTS ON CURRENT NATION BUILDING

Trinh Thi Le Ha

Southern Institute of Social Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 12/10/2024 Revised: 06/11/2024 Published: 06/11/2024	Community spirit is a fine traditional cultural value of the Vietnamese people formed in the process of building and defending the country. Through analyzing the origin and some impacts of the community-oriented character on the current nation-building process, the article raises the issue of preserving and promoting the traditional cultural values of the nation in the new context. Using the basic methods of history, namely historical, logical, comparative, and analytical methods, the article has summarized the basis for the formation of the community-oriented character, including geographical - cultural, economic and social premises, and at the same time pointed out some positive and negative impacts of the community-oriented character in the current nation-building process. In order to accelerate the industrialization and modernization of the country, it is necessary to limit the negative aspects, while continuing to promote the positive aspects of the community-oriented character.
KEYWORDS	
Community	
Spiritual values	
Village	
Vietnam	
Nation building	

ĐẶC TÍNH COI TRỌNG CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ TÁC ĐỘNG TỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

Trịnh Thị Lệ Hà

Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 12/10/2024 Ngày hoàn thiện: 06/11/2024 Ngày đăng: 06/11/2024	Tính cộng đồng là một nét giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước. Thông qua phân tích nguồn gốc và một số tác động của đặc tính coi trọng cộng đồng tới công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, bài viết đặt ra vấn đề về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong bối cảnh mới. Bằng các phương pháp cơ bản của sử học là phương pháp lịch sử, logic, so sánh, phân tích, bài viết đã khái quát lại cơ sở hình thành nên đặc tính coi trọng cộng đồng bao gồm tiền đề về địa lý - văn hóa, kinh tế, xã hội, đồng thời nêu lên một số tác động tích cực, tiêu cực của đặc tính coi trọng cộng đồng trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần hạn chế những mặt tiêu cực, đồng thời tiếp tục phát huy những mặt tích cực của đặc tính coi trọng cộng đồng.
TỪ KHÓA	
Tính cộng đồng	
Giá trị tinh thần	
Làng xã	
Việt Nam	
Xây dựng đất nước	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11301>

Email: lehatrinh2012@gmail.com

1. Giới thiệu

Làng xã ra đời từ giai đoạn tan rã của xã hội Công xã nguyên thủy (khoảng thiên niên kỷ I trước Công nguyên). Kể từ khi ra đời đến nay, làng xã luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển về mọi mặt của một quốc gia, từ kinh tế, chính trị cho đến văn hóa, xã hội. Ở Việt Nam, làng xã cũng được hình thành từ rất sớm (cách đây hơn 4000 năm, cùng với quá trình tan rã của công xã thị tộc để hình thành công xã nông thôn). Song song với sự hình thành cộng đồng làng xã là sự kiến tạo hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam: tính cộng đồng và tính tự trị. Trong đó, cố kết cộng đồng là nét truyền thống cơ bản của dân tộc Việt Nam, và nó cũng là nguồn gốc tạo nên tính tự trị. Chính nhờ truyền thống đó, dân tộc Việt Nam đã tồn tại và phát triển vững chắc cho đến hiện nay, dù trải qua không ít biến cố lịch sử. Theo Từ điển tiếng Việt thì “cộng đồng là toàn thể những người sống thành một xã hội, nói chung có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối” [1, tr.222]. Còn theo Trần Ngọc Thêm thì đó chính là “sự liên kết các thành viên trong làng lại với nhau, mỗi người đều hướng tới những người khác – nó là đặc trưng dương tính, hướng ngoại” [2, tr. 213]. Trên cơ sở tổng quan từ các cách tiếp cận khác nhau về khái niệm “cộng đồng” (sinh học và sinh thái học, xã hội học, kinh tế học, sử học, triết học, khoa học chính trị, tâm lý học), nhà nghiên cứu Phạm Hồng Tung cho rằng “cộng đồng là tập hợp những người có sức bền cố kết nội tại cao, với những tiêu chí nhận biết và quy tắc hoạt động, ứng xử chung dựa trên sự đồng thuận về ý chí, tình cảm, niềm tin và ý thức cộng đồng, nhờ đó các thành viên của cộng đồng cảm thấy có sự gắn kết họ với cộng đồng và với các thành viên khác của cộng đồng” [3, tr. 24]. Như vậy, nói đến cộng đồng tức là nói đến một tập thể, trong đó tất cả mọi người luôn đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Biểu tượng truyền thống của tính cộng đồng từ xa xưa là hình ảnh cây đa - bến nước - sân đình. Nhìn một cách khái quát, tính cộng đồng thể hiện rõ nét trong sự tổ chức ở làng xã, đồng thời đã được phát huy mạnh mẽ và được nâng lên một bậc ở sự cố kết quốc gia, dân tộc.

Cho đến nay, các nghiên cứu về tính cộng đồng đã thu hút khá nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học ở các góc độ khác nhau. Trong đó có nghiên cứu tập trung ở góc độ khoa học tâm lý học, nhân cách, xem xét tính cộng đồng với tư cách là một đặc điểm tâm lý của nhóm và của nhân cách, đặt tính cộng đồng trong mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với tính cá nhân để thấy được mối quan hệ không thể tách rời này [4]. Nghiên cứu về tính cộng đồng dưới góc độ xã hội học, đặt tính cộng đồng ở nông thôn trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi, nhìn từ mối liên kết sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình ở đồng bằng sông Hồng, phân tích những “động thái mới của tính cộng đồng ở làng xã đồng bằng Sông Hồng trong bối cảnh nông thôn Việt Nam chuyển đổi và hội nhập” qua đó thấy rằng các mối liên kết truyền thống trong cộng đồng dựa vào gia đình, làng xóm... vẫn tiếp tục tồn tại, tuy nhiên phạm vi liên kết đã mở rộng hơn nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập hiện nay [5]. Thông qua tổng quan nghiên cứu về tính cộng đồng từ góc độ tiếp cận xã hội - lịch sử, xã hội - văn hóa và tiếp cận nhân cách, tác giả Nguyễn Diệu Hương cho rằng không thể tách rời tính cá nhân khi tiếp cận tính cộng đồng, bởi cả hai đều gắn liền với mỗi con người cụ thể. Tuy nhiên, tính cộng đồng thường gắn liền với môi trường, điều kiện lịch sử, môi trường văn hóa và có ý nghĩa “động” nhiều hơn tính cá nhân nếu xếp theo ý nghĩa lịch đại của vấn đề [6].

Từ góc độ lịch sử - văn hóa, tính cộng đồng Việt Nam đã được đặt trong mối quan hệ bên trong tổ chức xã hội cổ truyền của dân tộc, đó chính là “làng”. Làng Việt Nam là một liên kết “đa dạng và chặt”. Làng Việt Nam không chỉ là một khu vực cư trú đơn thuần của gia đình tiểu nông mà chính bản thân nó còn là một tổ chức sản xuất, tổ chức quân sự, tổ chức xã hội... Ở đây, hầu như con người không tồn tại với tư cách cá nhân độc lập mà phải luôn là thành viên trong một cộng đồng nhất định [7].

Một số nghiên cứu đã gợi mở một số cơ sở hình thành nên tính cố kết trong cộng đồng làng xã: yêu cầu đối phó với những bất lợi của điều kiện thiên nhiên, chống ngoại xâm, sự khác biệt về hình thái cư trú... qua đó đề cao việc tiếp tục phát huy những giá trị tinh thần thời đại các Vua Hùng trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay [8]. Và ở một mức độ nhất định, tác động của

tính cộng đồng đến công cuộc xây dựng đất nước hiện nay cũng được đề cập đến ở cả mặt tích cực lẫn mặt hạn chế, và yêu cầu đặt ra về việc chất lọc những đặc tính tốt đẹp để không làm ảnh hưởng đến quá trình hội nhập và phát triển của đất nước [9].

Tiếp nối những công trình trên, từ góc độ lịch sử - văn hóa, bài viết nêu lên một số cơ sở tạo nên đặc tính coi trọng cộng đồng của người dân Việt Nam, bao gồm cơ sở về mặt kinh tế và cơ sở về mặt xã hội, qua đó nêu lên một số tác động tích cực, tiêu cực của tính cộng đồng đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Phạm vi bài viết chủ yếu đề cập đến tính cộng đồng trong tổ chức làng xã ở miền Bắc, là nơi thể hiện đầy đủ và rõ nhất những đặc trưng truyền thống của nông thôn Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng hai phương pháp cơ bản của Sử học là phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để phân tích những cơ sở tạo nên đặc tính coi trọng cộng đồng của dân tộc Việt Nam, đặt vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh lịch sử cụ thể của tiến trình lịch sử dân tộc. Đồng thời, bài viết sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích để thấy được những mặt tích cực, hạn chế của tính cộng đồng đối với quá trình xây dựng đất nước hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở tạo nên đặc tính coi trọng cộng đồng của người dân Việt Nam

3.1.1. Cơ sở địa lý - văn hóa

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây và Tây Nam giáp Lào và Campuchia, phía Đông và phía Đông Nam giáp Biển Đông với bờ biển dài hơn 3000 km. Việt Nam từ xa xưa đã có vị thế như một chiếc cầu nối liền châu Á và Thái Bình Dương, giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo; là giao điểm giữa các đường giao thông, là trung tâm của việc mua bán, trao đổi hàng hóa và giao lưu văn hóa. Với vị trí địa lý như vậy, Việt Nam được ví như nằm ở “ngã ba đường giao lưu quốc tế”, tiếp xúc từ khá sớm với các nền văn minh trên thế giới. Vị trí địa lý thuận lợi này đã tạo điều kiện cho sự hình thành cộng đồng ở các khu vực đồng bằng, nơi con người có thể thường xuyên có sự trao đổi, gắn kết trong canh tác và trồng trọt. Cũng bởi nằm ở khu vực có vị trí chiến lược quan trọng nên Việt Nam thường xuyên nằm trong tầm ngắm bị “nhòm ngó” bởi các thế lực bên ngoài. Thực tế đó buộc con người cần phải thường xuyên gắn kết với nhau để chống lại ngoại xâm.

Mặt khác, Việt Nam ở góc tận cùng phía Đông – Nam nên thuộc loại văn hóa gốc nông nghiệp điển hình, cơ bản là nghề nông nghiệp lúa nước. Nghề nông nghiệp đòi hỏi con người phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên, nghề trồng trọt buộc người dân phải sống định canh, định cư để chờ cây cối lớn lên, ra hoa kết trái và thu hoạch, đa phần họ thích cuộc sống ổn định lâu dài, không thích sự thay đổi. Do sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên cư dân nông nghiệp có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hòa hợp với thiên nhiên. Có thể nói, chính sự tổng hòa của các yếu tố người - trời - đất đã góp phần quan trọng làm hình thành nên nền nông nghiệp với những cộng đồng làng xã định cư từ hàng nghìn năm trước. Về mặt tổ chức cộng đồng, con người nông nghiệp thường sống theo nguyên tắc trọng tình, do đó từ ngàn đời nay, tình ruột thịt, nghĩa đồng bào luôn là tình cảm thiêng liêng cao quý, không gì có thể thay đổi, nó trở thành sức mạnh nội sinh, là “sợi chỉ đỏ” trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Chính vì trọng tình nghĩa cho nên đặc tính coi trọng cộng đồng luôn được đề cao. Đây cũng chính là một cơ sở quan trọng hình thành nên đặc tính coi trọng cộng đồng của người dân Việt Nam.

3.1.2. Cơ sở kinh tế

- Nhu cầu đoàn kết để làm thủy lợi, phục vụ cho nền nông nghiệp lúa nước đặc thù của Việt Nam

Lịch sử dân tộc Việt Nam hình thành trước hết ở lưu vực những con sông lớn. Riêng ở miền Bắc có hơn 100 con sông có độ dài từ trên 100 km, là nguồn nước tưới tiêu, nguồn thực phẩm vô

tận, mạch giao thông quan trọng, nguồn phù sa màu mỡ... cho đời sống và sản xuất của con người. Bờ biển nước ta dài hơn 3000 km với nguồn hải sản phong phú, nhiều hải cảng đẹp, có giá trị kinh tế cao, tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống của con người. Một trong những lưu vực sông có ý nghĩa quan trọng trong buổi đầu hình thành dân tộc Việt Nam chính là lưu vực sông Hồng - con sông lớn bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Sông Hồng hình thành nên một vùng tam giác đồng bằng châu thổ phì nhiêu màu mỡ, từ rất sớm đã trở thành nơi cư trú chủ yếu của người Việt cổ. Nó trở thành trung tâm nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành thủy sản, xây dựng, đóng thuyền, giao thông, buôn bán. Vì vậy, đối với người Việt, từ lâu sông Hồng đã trở thành nơi buôn bán, giao lưu với các vùng Vân Nam, Tứ Xuyên (Trung Quốc). Về mặt quân sự, sông Hồng cũng có một vị trí chiến lược quan trọng. Trung Quốc đã nhiều lần đưa quân sang xâm lược Việt Nam bằng con đường này, đặc biệt, quân Mông Nguyên trong ba lần đem quân sang xâm lược Việt Nam đều lấy sông Hồng làm đường tiến công. Với vai trò quan trọng như vậy, sông Hồng dần dần đã trở thành điểm giao lưu của các nền văn hoá.

Tuy đóng vai trò tích cực, là một nguồn tài nguyên vô tận, nhưng sông Hồng cũng thể hiện mặt tiêu cực qua các nạn lũ lụt hàng năm, mà cho đến nay vẫn còn đang là mối đe dọa về tính mạng và tài sản đối với người Việt. Khác với sông Nin của Ai Cập, lưu lượng nước của sông Hồng khá bất thường, sự chênh lệch mực nước giữa mùa cạn và mùa mưa có khi lên đến hơn 10 mét. Do đó, tuy chỉ là sông được xếp vào loại trung bình trên thế giới nhưng sông Hồng lại rất dữ tợn về mùa nước. Thêm vào đó, sông Hồng có nhiều nhánh lớn và nhỏ nên đến mùa mưa lũ lại càng ảnh hưởng mạnh và lan rộng ra nhiều vùng. Chính vì vậy, việc đắp đê, chống lụt cũng như việc đào mương lấy nước, giữ nước là việc quan trọng bậc nhất trong lịch sử sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam trong mấy chục thế kỷ qua.

Việc ngăn chặn lũ lụt ở hệ thống sông Hồng không phải là công việc đơn giản có thể giải quyết được bởi một người, một dòng họ hay một thôn làng, một địa phương mà đòi hỏi phải có sự liên kết giữa tất cả các cá nhân của cộng đồng. Ở đây, việc ngăn chặn lũ lụt chỉ có thể được thực hiện khi có sự liên kết chặt chẽ giữa mọi người ở các vùng tả, hữu ngạn của các con sông, đặc biệt là sông Hồng, với độ dài 475 km. Tuy nhiên, việc chống lũ cũng không phải là việc có thể chấm dứt trong ngày một ngày hai, bởi mưa lũ ở Việt Nam như là một hiện tượng có tính quy luật, do đó, việc phòng chống lũ có thể được xem như một phần của lịch sử Việt Nam – “lịch sử chống lũ”. Đặc điểm này ở nước ta là một điểm khác biệt so với phương Tây. Phương Tây trồng lúa mì, không cần nước, do đó sự cộng tác trong phạm vi thôn xã để đào mương, đắp đập giữ nước, lấy nước hầu như không có.

Như vậy, từ rất sớm, người dân Việt Nam đã phải đấu tranh gian khổ để khắc phục những khó khăn do thiên nhiên gây ra. Chính từ trong cuộc đấu tranh chống lại thiên nhiên này, họ đã bắt đầu đoàn kết với nhau để cùng thực hiện việc đắp đê. Có thể nói việc đắp đê, làm thủy lợi là một công việc có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại trong việc phát triển kinh tế cũng như sự hưng vong của đất nước. Trong lịch sử Việt Nam, chúng ta thấy hệ thống đê điều được đặc biệt chú ý phát triển dưới thời nhà Trần. Nhà Trần đã đặt ra các chức “Hà đê chánh, phó sứ” chuyên quản lý việc đắp đê, đến kỳ nông hạn thì điều động binh lính ra đắp đê, đào kênh rạch. Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép về khởi nguồn việc đắp đê dưới thời Trần: “Tháng 3 (1248), lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là đắp quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ, để ngăn nước lũ tràn ngập. Đặt hà đê chánh phó sứ để quản đốc. Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó” [11, tr.21].

Đê điều không phải chỉ để ngăn lũ, chặn biển tràn vào đồng ruộng tàn phá xóm làng; thủy lợi không phải chỉ để tưới, tiêu nước cho đồng lúa, mà đê điều, thủy lợi còn liên quan đến những vấn đề thiết yếu khác của cuộc sống như: nguồn nước dùng trong sinh hoạt hàng ngày, giao thông đi lại, phòng chống ngoại xâm, xây dựng hoàn chỉnh nền kinh tế tự cấp tự túc ở làng xã...

Bên cạnh cuộc đấu tranh gian khổ để khắc phục vấn đề thiên tai lũ lụt do sông Hồng gây ra, trong quá trình phát triển từ thuở sơ khai, người Việt còn phải chống lại nhiều tai ương khác của nơi rừng thiêng nước độc hay nạn thú dữ hoành hành.

Như vậy, trong cả quá trình lịch sử, người Việt Nam đã không ngừng đấu tranh chống lại thiên tai để sinh tồn. Có thể nói rằng chính quá trình đắp đê phòng chống lũ lụt sông Hồng cũng như việc chinh phục thiên nhiên, chống lại thú dữ của người Việt đã hình thành nên tinh thần cố kết cộng đồng chặt chẽ ở người dân Việt Nam. Hay nói cách khác, nhân tố thủy lợi chính là một phương diện quan trọng củng cố tính cộng đồng của làng xã Việt Nam.

- Chế độ công điền công thổ

Lịch sử Việt Nam thời kỳ phong kiến gắn liền với sự tồn tại của chế độ công điền công thổ. Toàn bộ ruộng đất thuộc sự quản lý của Nhà nước, đất đai sẽ được phân chia cho các đối tượng trong xã hội, đây gọi là chế độ quân điền. Tuy nhiên, nhà vua không trực tiếp thực hiện chia ruộng đất cho nhân dân trong cả nước mà giao cho làng xã thực hiện. Với chế độ quân điền, ruộng đất của làng nào do làng ấy tự quản lý và sử dụng. Làng xã chịu trách nhiệm phân chia ruộng đất công của làng cho dân làng. Việc phân chia ruộng đất trong làng là việc riêng của làng đó, và phải tuân thủ theo lệ làng, hay còn gọi là hương ước. Dù việc phân chia đó có công bằng hay không thì vẫn được làng xã chấp nhận, vì đó chính là lệ làng. Với chế độ công điền công thổ này, mỗi người dân được xem như một cộng đồng kinh tế và họ luôn luôn có ý thức giữ gìn ruộng đất của làng mình, tránh sự xâm chiếm của làng khác. Có thể nói chính chế độ công điền, công thổ đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên đặc tính coi trọng cộng đồng của người dân Việt Nam, bởi “ruộng công và chế độ quân điền đã ràng buộc người nông dân vào làng xã... khi mất mùa đói kém họ có thể đi nơi khác nhưng trước sau vẫn trở về làng cũ vì làng cũ vẫn chia ruộng đất cho họ” [7, tr.34].

3.1.3. Cơ sở xã hội

- Mỗi làng đều có một bản hương ước riêng của làng mình

Tất cả người dân trong làng đều sống tuân thủ theo bản hương ước. Hương ước là nơi biểu hiện rõ nét nhất của tính tự trị nhưng cũng là nơi biểu hiện của tính cộng đồng. Hương ước là bản ghi chép các điều lệ liên quan đến đời sống của cộng đồng dân cư sinh sống trong làng. Các điều lệ này hình thành dần trong lịch sử, được điều chỉnh và bổ sung mỗi khi cần thiết. Xưa kia các điều ấy quen gọi là lệ làng. Hương ước có thể xem là hệ thống luật tục tồn tại song song với pháp luật của Nhà nước nhưng không đối lập với luật pháp của Nhà nước. Hương ước đề cập tới những nội dung cụ thể gắn với hoàn cảnh phong tục, tập quán lâu đời của từng làng, là những nội dung mà các bộ luật của Nhà nước khó đề cập đến.

Hương ước được xây dựng trên cơ sở những mối quan hệ giữa các thành viên của cộng đồng làng xã với nhau và giữa mỗi thành viên của làng xã với cộng đồng... trong đó, không chỉ bao gồm các hình phạt đối với việc làm trái lệ làng, mà còn bao gồm cả những hình thức khen thưởng đối với những việc tốt và có ích cho làng. Sức mạnh cưỡng chế của hương ước dựa vào nếp sống, thói quen của cộng đồng làng. Hương ước vừa góp phần đưa con người vào khuôn phép, gắn bó dân làng thành một cộng đồng chặt chẽ, đồng thời điều tiết trách nhiệm và các quyền lợi của mọi thành viên trong làng. Do đó, hương ước có vai trò quan trọng trong việc bổ sung cho luật pháp khi cần xử lý những vấn đề cụ thể nảy sinh từ nếp sống đặc thù của làng. Mỗi làng hầu như đều có một bản hương ước riêng của làng mình. Chính đặc điểm này của cộng đồng làng đã hình thành nên tính tự trị - một đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam. “*Phép vua thua lệ làng*” là một truyền thống thể hiện mối quan hệ dân chủ đặc biệt của nhà nước phong kiến với làng xã Việt Nam.

Có thể nói, hương ước – một phần là biểu hiện mạnh mẽ cho tính tự trị, nhưng cũng là biểu hiện tính cộng đồng của làng. Nó gắn các thành viên trong cộng đồng tương đối chặt chẽ, tự nguyện lệ thuộc lẫn nhau, phục tùng làng xã. Hương ước là nguyên lý tinh thần hướng mọi dân làng sống và làm việc vì sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Điều này làm cho tính cộng đồng của mỗi làng càng được củng cố một cách mạnh mẽ hơn.

- Cuộc sống khép kín được bao quanh bởi lũy tre làng (Không gian sinh sống quần tụ)

Mỗi làng xã là một cộng đồng kinh tế chung, một đơn vị kinh tế tự cấp tự túc, một đơn vị tiểu sản xuất công nông nghiệp. Sự trao đổi giữa các làng tuy vẫn diễn ra nhưng hầu như không được xem

trọng. Mỗi làng đều tự cung cấp những nhu yếu phẩm cơ bản nhất của mình: có nghề dệt, lò rèn, đan lát, nê, mộc, đóng bàn, ghế, tủ...; có nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, có ao thả cá; đều trồng lúa, hoa màu, cây ăn quả như chuối, cam, quýt, chanh, bưởi, dừa, mít; đều trồng cây công nghiệp như thầu dầu, vừng, lạc, dâu, đỗ tương... Tóm lại, mỗi làng đều phát triển các ngành nghề nông, công nghiệp để cung cấp cho nhu cầu cơ bản và thường dùng của nhân dân trong làng. Với cách tổ chức như vậy thì “mỗi làng tự nó đầy đủ và tự cho là đầy đủ, tự lập và cách biệt với các làng khác” [12, tr. 362].

Không những thế, mỗi làng còn là một cộng đồng văn hoá. Làng có đình và chùa của mình. Làng thường có trường học do chính nhân dân trong làng lập nên. Làng nào cũng có văn nghệ dân gian với những tục ngữ, ca dao, dân ca, truyện cười, cổ tích, huyền thoại, truyền thuyết, thần tích, những làn điệu ca nhạc. Những thứ này phần lớn là sản phẩm của nền văn nghệ dân tộc, nhưng cũng có nhiều yếu tố là sản phẩm của địa phương, mang đậm dấu ấn địa phương của một vùng hay một làng. Mỗi làng cũng có những đội kèn, đội trống phục vụ cho những nghi lễ tôn giáo như tế lễ, ma chay. Nhiều làng còn có những đội tuồng, đội chèo, tức là có nghệ thuật sân khấu riêng của mình. Một số làng còn có nghề điêu khắc và hội họa dân gian. Những pho tượng Phật ở các chùa làng đều do các nghệ sĩ điêu khắc, tức là những người thợ thủ công của làng sáng tạo ra. Những ngôi đình, ngôi chùa, ngôi đền của làng đều là những công trình kiến trúc và điêu khắc của làng xã. Tất cả những điều này làm cho mỗi làng như có một cốt cách văn hoá riêng, và người làng nào mang cốt cách của làng ấy.

Làng còn có cả một bộ luật của làng gọi là hương ước, quy định những nghĩa vụ và nhiệm vụ của mỗi thành viên đối với làng xã và đối với nhau. Những điều luật này được thỏa thuận một cách nghiêm ngặt và mang tính tự nguyện. Người nông dân Việt Nam có rất nhiều quan hệ ràng buộc với tập thể làng xã. Trước hết là quan hệ pháp lý, họ phải liên đới chịu trách nhiệm cùng các thành viên khác trong làng thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước phong kiến: nộp thuế, lao dịch và đi lính. Vì làng xã là một đơn vị kinh tế tự cấp tự túc và tự trị về mặt hành chính cho nên làng xã hoàn toàn phải tự chịu trách nhiệm về sự an toàn của mình trong việc chống lại sự xâm lấn từ bên ngoài. Các thành viên trong làng có nghĩa vụ chiến đấu bảo vệ lãnh thổ làng xã, bảo vệ ruộng đất của các thành viên trong làng trước sự tấn công từ bên ngoài. Chính điều đó làm cho tính cộng đồng của làng xã càng được thể hiện mạnh mẽ hơn.

- Truyền thống đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm

Đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm là một trong những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống cốt lõi của dân tộc Việt Nam, đã hình thành từ xa xưa. Việt Nam nằm ở phía Đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với vùng biển Đông rộng lớn nên từ xưa đã thu hút sự chú ý của nhiều nhóm cư dân ở nhiều vùng lãnh thổ, trong đó có sự nhòm ngó của các bộ tộc mạnh hơn. Truyền thống đoàn kết trong đấu tranh chống ngoại xâm đã thể hiện từ thời nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, với sự nỗ lực đoàn kết trong đấu tranh chống lại xâm lược của giặc Man, giặc Ân, giặc Tần... đặc biệt qua truyền thuyết Thánh Gióng. Thánh Gióng chính là đại biểu cho tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm và cố kết cộng đồng dân tộc. Truyền thống đó cũng đã được chứng minh hùng hồn bởi cuộc kháng chiến chống quân Minh. Sờ dĩ Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng dân tộc làm nên được các chiến thắng oanh liệt: “Đánh một trận sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông” (*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi) là vì các ông đã đoàn kết được toàn dân đánh giặc.

Chính truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm từ thời kỳ này sang thời kỳ khác là nhân tố quan trọng để củng cố mạnh mẽ thêm tính cộng đồng của người dân Việt Nam. Trải qua nhiều thời kỳ, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm này được biểu hiện dưới một góc độ khác nhau, và cho đến tận ngày hôm nay, đây vẫn là một truyền thống quý báu hun đúc thêm tính cố kết cộng đồng của người dân Việt Nam.

3.2. Tác động của đặc tính coi trọng cộng đồng đến công cuộc xây dựng đất nước hiện nay

Tinh thần coi trọng cộng đồng là một trong những đặc tính quan trọng, phản ánh rõ nét đặc trưng tính cách của người dân Việt Nam. Trải qua các thời kỳ lịch sử, đến nay, tính coi trọng cộng

đồng vẫn là một đặc tính cơ bản của người dân Việt Nam. Trong công cuộc xây dựng đất nước ngày hôm nay, nó vừa mang lại những tác động tích cực nhưng đồng thời cũng làm phát sinh nhiều biểu hiện tiêu cực cần phải khắc phục để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.2.1. Tác động tích cực

- Tác động trước hết của tính cộng đồng, đó chính là tạo nên tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, giúp nhau cùng phát triển. Do đồng nhất (giống nhau – “cùng hội cùng thuyền”) nên người Việt Nam luôn sẵn sàng đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, coi mọi người trong cộng đồng như anh chị em trong cùng một nhà: “tay đứt ruột xót”, “chị ngã em nâng”, “lá lành đùm lá rách”...

Ý thức làng xã về quyền bình đẳng giữa các cá nhân trong đời sống cộng đồng không chỉ thể hiện trong các quan hệ về lợi ích mà còn về tư cách thành viên của họ. Sự đề cao tính liên kết trong cộng đồng làng xã, do đó đòi hỏi thực tiễn nguyên tắc công bằng gắn với chủ nghĩa bình quân hay cào bằng trong phân phối các quyền và lợi ích giữa các thành viên trong cộng đồng. Để duy trì tinh thần đoàn kết giữa các thành viên trong cộng đồng và giữa cộng đồng với chính quyền, khi người cán bộ đại diện cho chính quyền đi thăm hỏi các gia đình trong thôn xóm, họ luôn tâm niệm nguyên tắc ứng xử trong cộng đồng là không được bỏ sót bất kỳ ai. Vì sự thăm hỏi của chính quyền không chỉ thể hiện sự quan tâm của chính quyền với người dân mà còn khẳng định tinh thần bình đẳng giữa các thành viên trong cộng đồng.

Trải qua hàng ngàn năm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trở thành truyền thống tốt đẹp, ẩn chứa giá trị nhân văn và tiềm năng to lớn để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, xây dựng và gìn giữ quê hương. Thực tế ấy đã được lịch sử chứng minh, nhất là qua cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với những khẩu hiệu thúc giục lòng người như: “Xe chưa qua, nhà không tiếc”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”... miền Bắc trở thành chỗ dựa vững chắc cả về vật chất lẫn tinh thần, hậu phương cho miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ. Đây chính là những biểu hiện rõ nét nhất của tinh thần tương thân tương ái.

Ngày nay, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau còn thể hiện rõ ở quyết tâm xóa đói, giảm nghèo. Ở đây, sự giúp đỡ nhau không chỉ bằng những hiện vật cụ thể như bát cơm, manh áo,... để cứu trợ tạm thời, mà đó là sự cung cấp vốn liếng, tạo công ăn việc làm cho những người còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, đặc biệt là những gia đình thương binh, liệt sĩ có công với cách mạng, những bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa đã từng đóng góp nhiều công sức cho cách mạng. Đó là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

Sự cố kết cộng đồng của người Việt Nam ngày nay không những đã vượt ra khỏi lũy tre làng, mà còn vượt ra ngoài biên giới quốc gia, dân tộc, nối vòng tay lớn với bạn bè khắp năm châu bốn biển. Với chính sách “làm bạn với tất cả các nước”, Việt Nam đang tích cực hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa của thời đại, cùng nhau giải quyết vấn đề phát triển bền vững.

Những năm gần đây, mỗi khi nghe đài báo bão, cả nước lại thẩn thướt hướng về nơi tâm bão đi qua, khắp nơi dộc sức hỗ trợ đồng bào, thậm chí không tiếc cả tính mạng để cứu nạn thiên tai. Cùng với đó là hàng triệu tấm lòng cảm thông chia sẻ, tình nguyện quyên góp, “nhường áo sẻ cơm”, giúp đỡ nhau qua cơn hoạn nạn, làm vơi bớt nỗi đau mất mát... Và gần đây nhất là phong trào ủng hộ người nghèo, nếu không có tinh thần đoàn kết tương trợ, “lá lành đùm lá rách” thì làm sao chúng ta thu được những thành tựu nổi bật về xóa đói giảm nghèo như ngày nay. Những việc làm đầy tình nghĩa ấy không phải ở nơi nào cũng có. Có lẽ vì thế mà tình nghĩa láng giềng tối lửa tắt đèn tương trợ lẫn nhau đã trở thành nét đặc sắc trong văn hóa làng xã Việt Nam cả trước đây và hiện nay... Đó chính là những cái “dụng” rất lớn của tinh thần tương thân tương ái mà ngày nay, trong công cuộc xây dựng đất nước chúng ta không thể không nhắc đến. Có thể nói “những đức tính, giá trị đó có sức sống bền bỉ, là một trong những nội lực để người Việt tồn tại vững vàng và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, cần được kế thừa và phát huy ở Việt Nam hiện nay” [8, tr. 61].

- Tạo nên tính tập thể hoà đồng trong công việc chung

Cuộc sống lao động ở làng xã đã tạo ra sự đoàn kết, gắn bó cộng đồng, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, tình nghĩa thủy chung đã trở thành lẽ sống của người nông dân Việt Nam. Chính công việc cấy cấy hàng ngày và sinh hoạt trong họ hàng, làng xã đã làm cho cuộc sống của người nông dân “tối lửa tắt đèn có nhau”, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ ngọt bùi đắng cay... Điều đó được thể hiện không chỉ trong hoạt động hàng ngày mà còn được khái quát trong ca dao, tục ngữ: “Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng”, “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, “Lá lành đùm lá rách”...

Tính tập thể hòa đồng có ý nghĩa lớn trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, khi chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó đòi hỏi mỗi cá nhân phải nâng cao ý thức cộng đồng, cần phải hòa đồng vào công việc chung để đạt kết quả tốt nhất. Đặc biệt, trong môi trường làm việc năng động, việc cộng tác theo nhóm là một hình thức làm việc rất hiệu quả và đòi hỏi mỗi cá nhân càng phải nêu cao tinh thần tập thể, hòa đồng để hoàn thành công việc theo hướng tốt nhất.

Có thể thấy sự hợp tác trong lao động là một nét nổi bật của tính tập thể, hòa đồng trong các cộng đồng làng ở Việt Nam. Đặc điểm này được hình thành một cách tự nhiên trong quá trình khai hoang lập làng của người Việt. Ở giai đoạn này những người nông dân phải hợp tác với nhau hoàn toàn trên tinh thần bình đẳng và tự nguyện để đẩy lùi biển cả, lụt lội, khí hậu độc địa và sự hoang vu, rậm rạp. Truyền thống này được củng cố suốt cả quá trình xây dựng làng sau này, thể hiện trong việc thường xuyên phải cùng cố hệ thống đê điều hàng năm, chống thiên tai (hạn hán, lũ lụt), bảo vệ và phân phối nguồn nước.

Làng Việt Nam là một tổ chức tương đối độc lập và có tính tự trị như đã nói ở trên. Vì vậy, việc xây dựng đời sống chung của làng là sự góp sức của tất cả các thành viên. Từ việc làm đình, làm chùa, xây trường, đắp đường cho đến những hình thức tương trợ, hợp tác trong làng đều là sự góp sức của tất cả các thành viên trong làng. Ngoài ra, những hình thức tương trợ, hợp tác có tính chất nhóm nhỏ: họ hàng, xóm giềng trong việc làm nhà và giúp đỡ nhau trong công việc đồng áng là những nét sinh hoạt tập thể hết sức nổi bật của làng xã.

3.2.2. Tác động tiêu cực

- Việc coi trọng tính cộng đồng đã thủ tiêu vai trò cá nhân – một động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của xã hội

Tính cộng đồng nhấn mạnh vào sự đồng nhất. Chính do sự đồng nhất (giống nhau) này mà ở Việt Nam, ý thức về con người cá nhân dường như bị thủ tiêu hoàn toàn. Sự ỷ lại vào cộng đồng khiến cá nhân không có vai trò gì rõ rệt. Cá nhân chỉ có ý nghĩa khi nó là đại diện, tiêu biểu cho gia tộc làng xã hoặc một tập thể cơ quan, từ đó nảy sinh tâm lý tự ti, an phận, không muốn phấn đấu vượt khó khăn: “Làm quan có mã, kẻ cả có dòng”, “Chạy trời không khỏi nắng”. Đây là một hạn chế khiến cho tập thể khó có thể phát triển vững mạnh. Điều này khác hẳn với truyền thống văn hóa phương Tây, nơi con người được ý thức về cá nhân từ khi còn nhỏ, khi bước vào tuổi thành niên, con người đã hoàn toàn sống tách biệt khỏi gia đình.

Trong xã hội Việt Nam cổ truyền, cái cộng đồng lấn át cái cá nhân, các cá nhân hầu như không có sự tự chủ và bộc lộ cá tính, kim hãm sự sáng tạo của cá nhân. Đây chính là một nhược điểm lớn làm kim hãm sự phát triển của đất nước. Do đó, trong xã hội hiện đại đây là một nhược điểm cần được khắc phục để cá nhân có thể bộc lộ mình, có thể sáng tạo, dám chịu trách nhiệm về những việc mình làm.

- Tính coi trọng cộng đồng đã dẫn đến thói dựa dẫm, ỷ lại vào tập thể

Từ truyền thống tốt đẹp đó lại nảy sinh những khuyết điểm khác. Do tâm lý cố kết cộng đồng trên mảnh đất làng xã nên nảy sinh tập tính ỷ lại vào cộng đồng: “Nước nổi thì bèo cũng nổi, “Đại đàn hơn khôn độc”, “Một người làm quan cả họ được cậy”, “Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”...

Đây cũng là một đặc tính gây ra nhiều tác hại đối với quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Quá trình hội nhập, đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta sẽ phải tiếp xúc với nhiều công

việc đòi hỏi phải thực hiện theo nhóm. Ở đó, mỗi cá nhân đều phải có ý thức đóng góp để cùng giúp nhau hoàn thành công việc một cách hiệu quả nhất. Nhưng, nếu thói dựa dẫm, ỷ lại vào tập thể vẫn còn tồn tại thì hẳn là sẽ rất khó cho sự phát triển của đất nước vì rút cục thì không có một tập thể nào đứng ra thực hiện một công việc cụ thể nào, mà cái quan trọng vẫn là ý thức của mỗi cá nhân. Tâm lý này cũng gần giống như tâm lý “cha chung không ai khóc” vậy. Trong quá trình đi lên xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần dần dần khắc phục, đi đến triệt tiêu tâm lý này bằng cách giao công việc cụ thể cho từng cá nhân.

- Hình thành thói cào bằng, đổ ky, không muốn ai hơn mình, để cho tất cả đều đồng nhất, giống nhau. Điều này thể hiện rõ qua các tư tưởng như: “Xấu đều hơn tốt lỗi”; “Khôn độc không bằng ngốc đàn”; “Chết một đồng còn hơn sống một người”... Thói cào bằng, đổ ky cũng là một đức tính của người dân Việt Nam được hình thành từ khá lâu đời, và hiện nay, tâm lý này vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Có thể nói rằng trong công cuộc xây dựng đất nước, tư duy này cũng hết sức kìm hãm sự phát triển của cá nhân. Khi một người có sáng kiến mới nào đó, muốn đưa ra trước tập thể thì lập tức sẽ bị tập thể cho là “tinh tướng”, dần dần, sẽ không còn ai muốn đưa ra một sáng kiến mới nào cho tập thể nữa, vì sợ bị tập thể “đi”. Ngược lại, các hành động sai trái được số đông ủng hộ và làm theo thì dần dần sẽ phổ biến ra toàn tập thể. Đó là những hệ quả tiêu cực của thói cào bằng, đổ ky mà trong công cuộc xây dựng đất nước ngày hôm nay chúng ta cần phải loại bỏ.

- Sống khép kín sau lũy tre làng, canh tác trên mảnh đất bạc màu, những thửa ruộng nhỏ, lẻ với công cụ thô sơ “Con trâu đi trước cái cày theo sau” dựa trên những thói quen, tập tục quá nhiều đời... - hoàn cảnh này đã làm nảy sinh và nuôi dưỡng tư duy manh mún, tản mạn (ít khả năng khái quát, tổng hợp) của người nông dân. Chính vì vậy mà họ “chỉ thấy lợi trước mắt, không thấy lợi lâu dài, chỉ thấy lợi ích cá nhân, không thấy lợi ích tập thể”. Do tư duy manh mún, tản mạn nên sinh ra thói “lười biếng” suy nghĩ và tính toán so đo, tính ỷ lại và bảo thủ, sự sùng bái kinh nghiệm và “coi thường” lớp trẻ. Đó cũng là sản phẩm lâu dài của nền kinh tế tiểu nông mà dù muốn hay không người nông dân vẫn bị ảnh hưởng.

Những thói xấu có nguồn gốc từ tính cộng đồng này khiến cho “ở Việt Nam, khái niệm “giá trị” trở nên hết sức tương đối” [2, tr.220]. Nếu một cái gọi là tốt, nhưng lại ở riêng lẻ thì lại trở thành xấu (khôn độc không bằng ngốc đàn); nhưng ngược lại, nếu cái xấu nhưng là xấu tập thể thì trở nên bình thường: “Toét mắt là tại hướng đình - Cả làng toét mắt riêng mình em đâu”.

4. Kết luận

Đặc trưng của tư duy truyền thống Việt Nam thiên về tình hơn lý. Người Việt thường lấy đạo đức làm cơ sở trong quan hệ ứng xử giữa người với người, tình làng nghĩa xóm sâu nặng đã che mờ quan hệ pháp lý - vốn được coi trọng trong các xã hội phát triển. Đây là một nhược điểm cần được khắc phục khi tham gia vào quá trình hội nhập và giao lưu quốc tế. Tính nhân bản - lòng thương người, tính cố kết cộng đồng cao, sống tình nghĩa thủy chung, nhân ái - là những giá trị văn hóa đặc thù, nổi bật của con người Việt Nam và cũng sẽ còn sống mãi với thời gian. Tuy nhiên, khi lợi ích cá nhân được đề cao, thậm chí phát triển thành chủ nghĩa cá nhân cực đoan... thì những giá trị trong văn hóa truyền thống này không tránh khỏi những thách thức. Vì vậy, việc xây dựng quan niệm mới về giá trị, đổi mới nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống, chú trọng giáo dục văn hóa, đặc biệt là giáo dục giá trị để thực hành trong đời sống văn hóa là một yêu cầu cần thiết. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống hướng tới phát triển có ý nghĩa như là hiện đại hóa truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. Hoang (editor), *Vietnamese Dictionary*, Language Dictionary Center, Vietnam Academy of Social Sciences, Institute of Linguistics, Hanoi, 1992.
- [2] N. T. Tran, *Searching for Vietnamese Cultural Identity*. Ho Chi Minh City Publishing House, 1997.
- [3] H. T. Pham, “Community: concepts, approaches and classifications in research,” *Journal of Social Science Information*, no. 12, pp. 21-29, 2009.
- [4] V. H. Le, “On the Concepts of Community and Individuality,” *Journal of Psychology*, no. 9, pp. 11-17, 2004.

-
- [5] D. C. Nguyen, "Community in Rural Areas in the Context of Vietnam's Transformation: A Look at the Production and Business Linkages of Households in Two Communes in the Red River Delta," *Journal of Sociology*, no. 3, pp. 34-35, 2016.
- [6] D. H. Nguyen, "Approaching community: Discussions and studies on community in Vietnam," *Journal of Social Science Information*, no. 7, pp. 35-41, 2016.
- [7] D. D. Phan, *Vietnamese villages - some socio-economic issues*. Social Science Publishing House - Mui Ca Mau Publishing House, 1992.
- [8] X. D. Bui, "Village Community Cohesion and the Promotion of Spiritual Values in the Hung Kings' Era," *Journal of Social Sciences of Vietnam*, no. 5, pp. 52-61, 2010.
- [9] M. T. Ba, "The impact of Vietnamese community spirit on the current nation-building process," *Ho Chi Minh City Open University Science Journal*, no. 5, pp. 62-72, 2010.
- [10] T. T. T. Pham, "The sense of community in Da Nang people's organizational culture for life (origin and expression)," *Journal of Social Sciences, Humanities and Education, Da Nang University*, vol. 5, no. 4A, pp. 117-122, 2015.
- [11] Vietnam Academy of Social Sciences, *Dai Viet su ky toan thu*, vol. 2. Social Sciences Publishing House, Hanoi, 1998.
- [12] Institute of History, *Vietnamese countryside in history*, vol. 2. Publishing House Social Sciences, Hanoi, 1978.